

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST

Ngày 27 - 3 - 2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Vân.

Ông Phan Văn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Thanh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 469/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Phan Văn T1, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp T2, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày:

Chị và anh T1 chung sống năm 2006, đến ngày 23/3/2007 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2011 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Vợ chồng ly thân từ năm 2011 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: có 01 con chung là Phan Thị Tuyết N, sinh ngày 29/3/2007. Chị yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị làm công nhân Công ty VMC Hoàng Gia, thu nhập bình quân một tháng 6.000.000 đồng.

Về tài sản: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

Nợ chung: không có.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Phan Văn T1 đến để giải quyết vụ án nhưng anh Phan Văn T1 đều vắng mặt không rõ lý do cũng như không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

- Về nội dung:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị T và anh T1 được ly hôn.

+ Về con chung: có 01 con chung Phan Thị Tuyết N, sinh ngày 29/3/2007. Giao con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ghi nhận chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng cho con chung.

+ Về tài sản: Ghi nhận chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T là nguyên đơn, vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh T1 là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do, theo khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T1, yêu cầu giải quyết về con chung; anh T1 cư trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 chung sống có đăng ký kết hôn vào ngày 23/3/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 hợp pháp.

[3.1] Qua lời trình bày của chị T và xác nhận của ông Phan Văn T3 là cha ruột của anh T1 (bút lục 33) thấy rằng: Quá trình chung sống thực tế có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T1 nhiều lần nhưng anh T1 vắng mặt không rõ lý do và không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải để chị T, anh T1 có cơ hội đoàn tụ. Như vậy, có căn cứ về việc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị T, cho chị Phan Thị T và anh Phan Văn T1 ly hôn.

[4] Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung là Phan Thị Tuyết N, sinh ngày 29/3/2007. Cháu Nhi có nguyện vọng sống với mẹ sau ly hôn. Chị T yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, yêu cầu xin được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên sau khi ly hôn là nguyện vọng chính đáng của cha mẹ nhưng khi giao con cho người trực tiếp nuôi phải căn cứ vào nguyện vọng của con chung nhằm đảm

bảo quyền lợi về mọi mặt của con, do đó giao con chung là Phan Thị Tuyết N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; ghi nhận chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng cho con chung.

[5] Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn, anh T1 không có ý kiến nên ghi nhận ý kiến của chị T.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án: Chị T là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; anh T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị T đối với anh Phan Văn T1.

Chị Phan Thị T được ly hôn với anh Phan Văn T1.

2. Về con chung:

Giao con chung là Phan Thị Tuyết N, sinh ngày 29/3/2007 cho chị Phan Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị Phan Thị T không yêu cầu anh Phan Văn T1 cấp dưỡng cho con chung.

Sau khi ly hôn, anh Phan Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản:

Ghi nhận chị Phan Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

4. Về án phí:

Chị Phan Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn)

đồng theo biên lai thu số 0018057 ngày 16/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị Phan Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thị Thanh Hằng